

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX-SAIGON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 02 Năm 2015

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Số: 337 / KT_TMS/2015

**V/V: Giải trình kết quả hoạt động
kinh doanh quý 2 năm 2015
của Công ty mẹ**

Tp.HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2015

Kính gửi : SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần TRANSIMEX-SAIGON (mã CK : TMS) giải trình kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ trong quý 2 năm 2015 tăng so với quý 2 năm 2014 như sau :

**Bảng so sánh kết quả hoạt động kinh doanh
Quý 2 năm 2015 và Quý 2 năm 2014**

DVT : VNĐ

| Chæ tiêu | Quý II | | Tăng (giảm) | |
|---|----------------|----------------|---------------|---------|
| | Năm 2015 | Năm 2014 | Giá trị | Tỉ lệ % |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 23.944.739.570 | 17.289.282.374 | 6.655.457.196 | 38,49% |
| Lợi nhuận HĐTC | 18.001.530.179 | 15.497.736.679 | 2.503.793.500 | 16,16% |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 33.234.139.392 | 26.179.636.968 | 7.054.502.424 | 26,95% |

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ trong quý 2 năm 2015 là 33.234.139.392 đồng, tăng 7.054.502.424 đồng (tương ứng tăng 26,95% so với quý 2 năm 2014) chủ yếu là do lợi nhuận hoạt động tài chính Quý 2/2015 tăng 2.503.793.500 đồng so với Quý 2/2014 lợi nhuận gộp Quý 2/2015 tăng 6.655.457.195 đồng so với quý 2/2014.

Trân trọng giải trình với Quý Sở giao dịch chứng khoán TPHCM



Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu P.KTTC, P.TCHCT

Lê Duy Hiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****Quý 02 năm 2015**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 261,188,037,750 | 250,495,562,956 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 155,658,024,785 | 152,279,841,622 |
| 1. Tiền | 111 | | 30,658,024,785 | 86,279,841,622 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 125,000,000,000 | 66,000,000,000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 14,491,370,571 | 8,300,305,414 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 14,491,413,589 | 8,301,095,512 |
| 2. Dự phòng chứng khoán kinh doanh (*) | 122 | | (43,018) | (790,098) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | | |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 82,541,183,079 | 81,708,064,692 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | | 54,046,796,593 | 55,582,153,244 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 10,358,107,298 | 13,926,455,688 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | | |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 18,136,279,188 | 11,919,033,338 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | 280,422,422 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 5,337,214,151 | 5,122,219,731 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 5,337,214,151 | 5,122,219,731 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3,160,245,164 | 3,085,131,497 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 2,131,845,856 | 1,983,772,403 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 1,027,753,376 | 1,101,359,094 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | 645,932 | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 604,906,660,410 | 538,438,557,905 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 20,268,813,740 | 22,322,063,740 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu cho vay dài hạn | 215 | | - | 2,100,000,000 |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | 20,268,813,740 | 20,222,063,740 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 197,333,942,661 | 169,279,754,305 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 196,646,017,633 | 168,490,276,596 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 362,907,721,185 | 326,981,428,377 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i> | 223 | | (166,261,703,552) | (158,491,151,781) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | 687,925,028 | 789,477,709 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 1,728,395,000 | 1,697,608,000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i> | 229 | | (1,040,469,972) | (908,130,291) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | 75,610,859,547 | 77,366,208,447 |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | 83,218,487,321 | 83,218,487,321 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | (7,607,627,774) | (5,852,278,874) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 8,694,928,371 | 25,414,099,912 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 8,694,928,371 | 25,414,099,912 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 290,499,052,578 | 241,185,854,141 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 151,400,000,000 | 123,400,000,000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 161,062,265,507 | 141,801,574,736 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | (21,963,212,929) | (24,015,720,595) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 12,499,063,513 | 2,870,577,360 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 10,698,412,096 | 1,641,467,459 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 1,800,651,417 | 1,007,046,161 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 866,094,698,160 | 788,712,057,121 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 268,289,338,136 | 239,509,092,874 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 177,264,677,529 | 123,840,840,510 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | | 10,339,247,898 | 8,017,253,678 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 300,000,000 | - |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | | 4,337,961,939 | 6,685,922,201 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 5,996,733,588 | 4,349,058,908 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 11,232,182,782 | 4,577,482,552 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | | 16,300,624,759 | 14,729,253,758 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | 124,572,987,774 | 80,486,541,230 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 4,184,938,789 | 4,995,328,183 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 91,024,660,607 | 115,668,252,364 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | 20,809,175 | 10,809,175 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | 91,003,851,432 | 115,657,443,189 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 597,805,360,024 | 549,202,964,247 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 597,805,360,024 | 549,202,964,247 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 237,660,390,000 | 230,738,240,000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 237,660,390,000 | 230,738,240,000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi | 413 | | 161,021,127,853 | 161,021,127,853 |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp | 419 | | 60,929,595,960 | 57,855,769,389 |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 138,194,246,211 | 99,587,827,005 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 90,499,384,002 | 6,349,728,897 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 47,694,862,209 | 93,238,098,108 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 866,094,698,160 | 788,712,057,121 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015

Lê Minh Hải
Người lập biểu

Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)**

Quý 02 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý 02 năm 2015 | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|---|-------|-------------|-----------------|----------------|------------------------------------|-----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 119,159,841,072 | 94,173,004,964 | 202,372,978,953 | 191,898,836,122 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | | - | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 119,159,841,072 | 94,173,004,964 | 202,372,978,953 | 191,898,836,122 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | | 95,215,101,502 | 76,883,722,590 | 158,957,020,842 | 157,844,154,181 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 23,944,739,570 | 17,289,282,374 | 43,415,958,111 | 34,054,681,941 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 21,266,958,989 | 18,678,965,695 | 27,562,148,530 | 28,666,677,146 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 3,265,428,810 | 3,181,229,016 | 6,176,638,101 | 7,230,740,475 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 3,797,747,936 | 2,554,588,010 | 7,320,482,550 | 5,279,867,926 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | 203,959,968 | 2,255,900 | 410,165,877 | 4,600,437 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | | 4,065,456,931 | 3,580,267,281 | 8,367,786,456 | 7,166,294,797 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (25+26)} | 30 | | 37,676,852,850 | 29,204,495,872 | 56,023,516,207 | 48,319,723,378 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 634,507,004 | 5,213 | 672,733,452 | 1,278,086,538 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 470,898,107 | 336,330,480 | 1,509,868,930 | 1,395,507,617 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 163,608,897 | (336,325,267) | (837,135,478) | (117,421,079) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 37,840,461,747 | 28,868,170,605 | 55,186,380,729 | 48,202,302,299 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | 4,675,750,126 | 3,588,857,739 | 8,285,123,776 | 6,439,927,516 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | (69,427,771) | (900,324,102) | (793,605,256) | (1,324,316,259) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 33,234,139,392 | 26,179,636,968 | 47,694,862,209 | 43,086,691,042 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | 1,419 | 1,135 | 2,037 | 1,867 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | | - | - | - | - |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015



Lê Minh Hải
Người lập biểu



Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)**

Quý 02 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|--|-----------|-------------|------------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 55,186,380,729 | 48,202,302,299 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư | 02 | | 13,260,683,053 | 11,734,051,406 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (2,053,254,746) | 1,916,313,654 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (38,918,029) | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (28,086,851,864) | (29,597,649,121) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 7,320,482,550 | 5,279,867,926 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | | |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 45,588,521,693 | 37,534,886,164 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (702,451,900) | (7,092,290,887) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (214,994,420) | 9,033,327,433 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 3,048,062,971 | 3,977,171,221 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (9,205,018,090) | (15,360,348) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | (6,190,318,077) | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (4,309,729,864) | (5,279,867,926) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (9,048,667,033) | (3,798,368,113) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | 567,272,668 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (6,825,005,826) | (791,919,633) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 12,140,399,454 | 34,134,850,579 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (22,840,350,968) | (13,206,240,874) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 650,820,091 | 1,278,086,538 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | 2,100,000,000 | 900,000,000 |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | (47,260,690,771) | (29,500,000,000) |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (41,117,221,078) | (11,507,746,540) |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | 6,922,150,000 | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.21, 28 | 94,307,146,187 | 43,195,116,813 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.21, 28 | (68,874,291,400) | (46,055,565,809) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.29 | - | (29,885,704,384) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 32,355,004,787 | (32,746,153,380) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 3,378,183,163 | (10,119,049,341) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 152,279,841,622 | 81,321,055,741 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 155,658,024,785 | 71,202,006,400 |



Lê Minh Hải
Người lập biểu



Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 02 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu: Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ hàng hải, thương mại
3. Ngành nghề kinh doanh: Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường biển, đường hàng không và đường bộ; Dịch vụ kho ngoại quan, kho CFS, kho ICD; Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển; Dịch vụ giao, nhận hàng hóa, làm thủ tục hải quan; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải cho tàu biển trong và ngoài nước; Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa qua Campuchia, Lào, Trung Quốc; Dịch vụ đóng gói và kê ký mã hiệu hàng hóa cho nhà sản xuất trong nước và nước ngoài ủy thác; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Dịch vụ cho thuê văn phòng; Sửa chữa máy móc thiết bị (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí trụ sở); Chuyên phát.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 Công ty có 372 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 344 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:
 - Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
 - Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

• Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

• Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định Số năm

Nhà cửa, vật kiến trúc 08 - 25

Phương tiện vận tải, truyền dẫn 04 - 20

Thiết bị, dụng cụ quản lý 04 - 10

Tài sản cố định hữu hình khác 05

6. Tài sản thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định Số năm

Quyền sử dụng đất 32

Nhà cửa, vật kiến trúc 20

Hệ thống kỹ 08 – 15

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 04 - 08 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

12. Chi phí trả trước dài hạn

Phí khảo sát, nâng cấp ICD

Phí khảo sát, nâng cấp ICD được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 02 năm.

Phí dặm vá, sửa chữa bãi cont

Phí dặm vá, sửa chữa bãi cont được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 02 năm.

Thẻ hội viên chơi golf

Chi phí đăng ký thẻ hội viên chơi golf được phân bổ vào quỹ thưởng của Ban điều hành quản lý theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Công ty không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ.

Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 30/06/2015 : 21.780 VND/USD

2.795 VND/HKD

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phân loại tài sản tài chính:

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu:

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán:

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính:

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính:

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu:

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Bù trừ công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | Tại ngày 30/06/2015 | Tại ngày 01/01/2015 |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 1,900,858,889 | 1,612,414,785 |
| Tiền gửi ngân hàng | 28,757,165,896 | 84,667,426,837 |
| Tiền đang chuyển | - | - |
| Các khoản tương đương tiền | 125,000,000,000 | 66,000,000,000 |
| Cộng | 155,658,024,785 | 152,279,841,622 |

2. Đầu tư ngắn hạn

| | Tại ngày 30/06/2015 | Tại ngày 01/01/2015 |
|---|-----------------------|----------------------|
| Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn: | 14,491,413,589 | 8,301,095,512 |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB) | 155,218 | 155,218 |
| - Công ty cổ phần giao nhận vận tải và thương mại (VNL) | 2,122,781,127 | 4,757,770,894 |
| - Công ty cổ phần đại lý vận tải Safi (SFI) | - | 974,895,900 |
| - Công ty cổ phần giao nhận vận tải ngoại thương (VNT) | 12,247,997,695 | 2,556,810,620 |
| - Công ty cổ phần cao su Phước Hòa (PHR) | - | 11,462,880 |
| - Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN) | 120,479,549 | - |
| - Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (VSH) | - | - |
| Cộng | 14,491,413,589 | 8,301,095,512 |

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

| | Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 | Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 |
|----------------------------|--|--|
| Số đầu năm | (790,098) | (394,507,877) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | - |
| Tăng khác (ghi cụ thể) | - | - |
| Hoàn nhập dự phòng | 747,080 | 393,893,379 |
| Giảm khác (ghi cụ thể) | - | - |
| Số cuối năm | (43,018) | (614,498) |

4. Phải thu khách hàng

| | Tại ngày 30/06/2015 | Tại ngày 01/01/2015 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu của hoạt động giao nhận hàng hóa | 11,848,972,108 | 9,457,789,415 |
| Phải thu của hoạt động kho vận, vận tải | 34,922,824,485 | 39,489,363,829 |
| Phải thu của hoạt động khác | 7,275,000,000 | 6,635,000,000 |
| ... | - | - |
| Cộng | 54,046,796,593 | 55,582,153,244 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Trả trước cho người bán

| | Tại ngày 30/06/2015 | Tại ngày 01/01/2015 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Các nhà cung cấp dịch vụ | 3,414,107,298 | 5,515,655,688 |
| Các nhà cung cấp mua sắm tài sản cố định | 6,944,000,000 | 8,410,800,000 |
| ... | - | - |
| Cộng | 10,358,107,298 | 13,926,455,688 |

6. Các khoản phải thu khác

| | Tại ngày 30/06/2015 | Tại ngày 01/01/2015 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lãi dự thu | 552,211,112 | 275,344,444 |
| Phải thu Hải An (Hợp đồng BCC) | 3,972,666,437 | - |
| Các khoản chi hộ | 5,687,102,329 | 5,689,978,039 |
| Tạm ứng | 6,567,804,531 | 5,552,886,235 |
| Các khoản ký quỹ ngắn hạn | 162,717,036 | 295,118,256 |
| Phải thu TMS/Building (LNST chuyển về công ty mẹ) | 790,955,988 | - |
| Các khoản phải thu khác | 402,821,755 | 105,706,364 |
| Cộng | 18,136,279,188 | 11,919,033,338 |

7. Hàng tồn kho

| | Tại ngày 30/06/2015 | Tại ngày 01/01/2015 |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 3,387,594,416 | 3,314,653,030 |
| Công cụ, dụng cụ | - | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 1,949,619,735 | 1,807,566,701 |
| Cộng | 5,337,214,151 | 5,122,219,731 |

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Tại ngày 30/06/2015 | Tại ngày 01/01/2015 |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 587,745,830 | 938,957,579 |
| Chi phí bảo hiểm | 811,014,380 | 341,248,707 |
| Chi phí thuê văn phòng, kho bãi | 301,375,613 | 39,982,274 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 431,710,033 | 663,583,843 |
| Cộng | 2,131,845,856 | 1,983,772,403 |

9. Tài sản ngắn hạn khác

| | Tại ngày 30/06/2015 | Tại ngày 01/01/2015 |
|-------------|---------------------|---------------------|
| Cộng | - | - |
| | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động tài sản cố định hữu hình được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Bản quyền, bằng sáng chế | Phần mềm máy tính | Cộng |
|--|------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 0 | 32,500,000 | 1,665,108,000 | 1,697,608,000 |
| Mua sắm tài sản cố định | | | 30,787,000 | |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - |
| Số cuối kỳ | - | 32,500,000 | 1,695,895,000 | 1,728,395,000 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 32,500,000 | 216,478,000 | 248,978,000 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | - | 32,500,000 | 875,630,291 | 908,130,291 |
| Khấu hao trong kỳ | - | - | 132,339,681 | 132,339,681 |
| Số cuối kỳ | - | 32,500,000 | 1,007,969,972 | 1,040,469,972 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | - | - | 789,477,709 | 789,477,709 |
| Số cuối kỳ | - | - | 687,925,028 | 687,925,028 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - |

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Cộng |
|-------------------------|-----------------------|---------------------------------------|---|-----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 25,414,099,912 | 6,688,620,537 | (23,407,792,078) | 8,694,928,371 |
| Cộng | 25,414,099,912 | 6,688,620,537 | (23,407,792,078) | 16,715,161,485 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

| | Quyền sử dụng đất | Nhà cửa, vật kiến trúc | Hệ thống kỹ | Cộng |
|--|------------------------------|-----------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 44,285,400,000 | 34,701,793,251 | 4,231,294,070 | 83,218,487,321 |
| Chuyển từ tài sản cố định hữu hình | - | - | - | 0 |
| Số cuối kỳ | 44,285,400,000 | 34,701,793,251 | 4,231,294,070 | 83,218,487,321 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | | | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 2,306,531,260 | 2,892,905,688 | 652,841,926 | 5,852,278,874 |
| Khấu hao trong kỳ | 691,959,378 | 867,544,830 | 195,844,692 | 1,755,348,900 |
| Số cuối kỳ | 2,998,490,638 | 3,760,450,518 | 848,686,618 | 7,607,627,774 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 41,978,868,740 | 31,808,887,563 | 3,578,452,144 | 77,366,208,447 |
| Số cuối kỳ | 41,286,909,362 | 30,941,342,733 | 3,382,607,452 | 75,610,859,547 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - |

15. Đầu tư vào công ty con

| | Tại ngày 30/06/2015 | Tại ngày 01/01/2015 |
|--|----------------------------|--------------------------------|
| Công ty TNHH một thành viên vận tải giao nhận ngoại thương (i) | 28,000,000,000 | 28,000,000,000 |
| Công ty TNHH một thành viên bất động sản Transimex - Saigon (ii) | 80,000,000,000 | 80,000,000,000 |
| Công ty TNHH một thành viên trung tâm phân phối Transimex (iii) | 12,000,000,000 | 12,000,000,000 |
| Công ty TNHH một thành viên Transimex Hi Tech Park Logistics(iv) | 31,400,000,000 | 3,400,000,000 |
| | - | - |
| | 151,400,000,000 | 123,400,000,000 |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307821849 ngày 18 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên vận tải giao nhận ngoại thương 28.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309428263 ngày 14 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên bất động sản Transimex - Saigon 80.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46211000926 ngày 12 tháng 9 năm 2012 do Ban quản lý các KCN Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên trung tâm phân phối Transimex 50.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty góp được 12.000.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 38.000.000.000 VND.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 413041000080 ngày 29 tháng 9 năm 2014 do Ban quản lý Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên Transimex Hi Tech Park Logistics 100.000.000.000 VND (tương đương 4.761.904 USD) và tương đương 100% vốn điều lệ với tiến độ góp vốn theo từng giai đoạn và kết thúc góp vốn đến tháng 12 năm 2017. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư. Tại ngày kết thúc 31/03/2015, Công ty góp được 10.400.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 86.600.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

16. Đầu tư vào công ty liên doanh, kiên kết

| | Tại ngày 30/06/2015 | Tại ngày 01/01/2015 |
|---|------------------------|------------------------|
| Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam (i) | 12,525,000,000 | 12,525,000,000 |
| Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An (ii) | 86,750,000,000 | 86,750,000,000 |
| Công ty cổ phần Vinafreight (iii) | 61,326,009,617 | 42,065,318,846 |
| Transimex - Cambodia Company Limited (iv) | 461,255,890 | 461,255,890 |
| | - | - |
| | 161,062,265,507 | 141,801,574,736 |

(i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000240 ngày 22 tháng 5 năm 2008 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam 12.525.000.000 VND (tương đương USD 750,000), tương đương 50% vốn điều lệ.

(ii) Công ty đã mua 5.656.250 cổ phiếu của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An với giá mua là 86.750.000.000 VND, tương đương 24.66% vốn điều lệ.

(iii) Công ty đã mua 1.674.800 cổ phiếu của Công ty cổ phần Vinafreight (tên cũ là Công ty cổ phần vận tải ngoại thương) với giá mua là 42.065.318.846 VND, tương đương 29.90% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã mua thêm 392.800 cổ phiếu với giá mua và phí mua là 19.260.690.771 VND. Tại ngày 30/06/2015, Công ty nắm giữ 2.067.600 cổ phiếu tương đương 37.02% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Vinafreight (số đầu năm là 1.674.800 cổ phiếu, tương đương 29.90% vốn điều lệ).

(iv) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 424/BKH-ĐTRNN ngày 23 tháng 2 năm 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đã đầu tư vào Transimex - Cambodia Company Limited 461.255.890 VND, tương đương 50,00% vốn điều lệ của công ty này.

17. Phải thu cho vay dài hạn

Cho Công ty TNHH một thành viên vận tải giao nhận ngoại thương vay với lãi suất 8%/năm.

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

| | Tại ngày 30/06/2015 | Tại ngày 01/01/2015 |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Dự phòng khoản lỗ của các công ty con | (21,510,478,130) | (23,562,985,796) |
| Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh | (452,734,799) | (452,734,799) |
| Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác | - | - |
| Cộng | (21,963,212,929) | (24,015,720,595) |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

| | Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 | Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 |
|----------------------------|--|--|
| Số đầu năm | (24,015,720,595) | (25,121,937,146) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | (1,617,787,565) |
| Hoàn nhập dự phòng | 2,052,507,666 | - |
| Số cuối năm | (21,963,212,929) | (26,739,724,711) |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

19. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Phân bổ vào chi phí trong kỳ | Cộng |
|--|----------------------|----------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Văn phòng công ty | 801,837,498 | 321,507,040 | (169,367,502) | 953,977,036 |
| Chi nhánh Hà Nội | 2,396,875 | 376,604,764 | (23,396,875) | 355,604,764 |
| Trung tâm kho Cảng | 837,233,086 | 317,500,000 | (296,330,753) | 858,402,333 |
| Trung tâm Sà Lan | | 1,135,005,034 | (136,258,571) | 998,746,463 |
| Tiền thuê đất TT Logistics tại Đà Nẵng | | 7,531,681,500 | - | 7,531,681,500 |
| Cộng | 1,641,467,459 | 9,682,298,338 | (625,353,701) | 10,698,412,096 |

20. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại

| | Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 | Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 |
|-------------------|--|--|
| Số đầu năm | 1,007,046,161 | 1,394,209,643 |
| Số phát sinh | 793,605,256 | 1,324,316,259 |
| Số hoàn nhập | | - |
| Số cuối kỳ | 1,800,651,417 | 2,718,525,902 |

21. Vay và nợ ngắn hạn

| | Tại ngày 30/06/2015 | Tại ngày 01/01/2015 |
|----------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 56,332,812,370 | 57,981,400,530 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 18,240,175,404 | 22,505,140,700 |
| Trái phiếu phát hành đến hạn trả | 50,000,000,000 | - |
| Cộng | 124,572,987,774 | 80,486,541,230 |

22. Phải trả người bán

| | Tại ngày 30/06/2015 | Tại ngày 01/01/2015 |
|--------------------------|-----------------------|----------------------|
| Các nhà cung cấp dịch vụ | 10,339,247,898 | 8,017,253,678 |
| Cộng | 10,339,247,898 | 8,017,253,678 |

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Tại ngày 30/06/2015 | Tại ngày 01/01/2015 |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 110,823,655 | 1,860,300,384 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3,547,471,492 | 4,544,357,547 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 64,867,292 | 50,528,660 |
| Các loại thuế khác | 614,799,500 | 480,900,360 |
| Cộng | 4,337,961,939 | 6,936,086,951 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

| | Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 | Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 |
|--|---|---|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 55,186,380,729 | 48,202,302,299 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 10,317,424,909 | 7,545,767,186 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (4,614,133,481) | - |
| Thu nhập chịu thuế | 60,889,672,157 | 55,748,069,485 |
| Thu nhập được miễn thuế | (23,230,018,632) | (26,475,671,685) |
| Thu nhập tính thuế | 37,659,653,525 | 29,272,397,800 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 22% | 22% |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i> | <i>8,285,123,775</i> | <i>6,439,927,516</i> |
| <i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước</i> | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 8,285,123,775 | 6,439,927,516 |

24. Phải trả người lao động

Quỹ lương chưa chi.

25. Chi phí phải trả

Chi phí giao nhận hàng hóa,

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | Tại ngày 30/06/2015 | Tại ngày 01/01/2015 |
|---|----------------------------|--------------------------------|
| y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn | 379,350,990 | 288,817,468 |
| Phải trả tiền mượn | - | 3,857,466,632 |
| Các khoản thu hộ | 15,251,284,130 | 10,448,637,768 |
| Cổ tức chưa chi | 94,331,890 | 94,331,890 |
| Nhận ký quỹ | 575,657,749 | 40,000,000 |
| Cộng | 16,300,624,759 | 14,729,253,758 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Giảm quỹ trong năm | Số cuối năm |
|-----------------------------------|----------------------|--------------------------------|------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 3,910,333,467 | 2,641,717,288 | (4,835,281,312) | 1,716,769,443 |
| Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ | 1,029,176,985 | - | (76,235,334) | 952,941,651 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 55,817,731 | 3,372,899,144 | (1,913,489,180) | 1,515,227,695 |
| Cộng | 4,995,328,183 | 6,014,616,432 | (6,825,005,826) | 4,184,938,789 |

28. Vay và nợ dài hạn

| | Tại ngày 30/06/2015 | Tại ngày 01/01/2015 |
|----------------------------|-----------------------|------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng (i) | 41,003,851,432 | 49,538,323,189 |
| Trái phiếu chuyển đổi (ii) | 50,000,000,000 | 66,119,120,000 |
| Cộng | 91,003,851,432 | 115,657,443,189 |

29. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 02 đính kèm.

Cổ Phiếu

| | Tại ngày 30/06/2015 | Tại ngày 01/01/2015 |
|--|---------------------|---------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 23,766,039 | 23,073,824 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 23,766,039 | 23,073,824 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 23,766,039 | 23,073,824 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 23,766,039 | 23,073,824 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 23,766,039 | 23,073,824 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 | Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 |
|-----------------------------------|--|--|
| Doanh thu dịch vụ giao nhận | 77,772,328,285 | 90,045,534,659 |
| Doanh thu dịch vụ kho vận, sà lan | 122,200,650,668 | 95,293,434,165 |
| Doanh thu hoạt động khác | 2,400,000,000 | 6,559,867,298 |
| Doanh thu thuần | 202,372,978,953 | 191,898,836,122 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. Giá vốn hàng bán

| | Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 | Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 |
|---------------------------------|---|--|
| Giá vốn dịch vụ giao nhận | 61,592,004,665 | 75,809,071,421 |
| Giá vốn dịch vụ kho vận, sà lan | 95,368,167,540 | 79,577,308,545 |
| Giá vốn hoạt động khác | 1,996,848,637 | 2,457,774,215 |
| Cộng | 158,957,020,842 | 157,844,154,181 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 | Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 |
|--|---|--|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn, cho vay | 3,555,193,050 | 2,123,846,822 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 23,230,018,632 | 26,475,671,685 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 38,918,029 | |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 7,115,249 | 10,867,435 |
| Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác | 601,795,296 | 56,291,204 |
| Doanh thu hoạt động tài chính BCC Hải An | 129,108,274 | - |
| Cộng | 27,562,148,530 | 28,666,677,146 |

4. Chi phí tài chính

| | Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 | Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 |
|--|---|--|
| Chi phí lãi vay | 4,309,729,864 | 5,279,867,926 |
| Chi phí lãi vay trái phiếu | 3,010,752,686 | |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 72,440,166 | 26,857,342 |
| Chi phí các khoản các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn | (2,029,540,876) | 1,916,313,654 |
| Chi phí tài chính BCC Hải An | 812,376,261 | |
| Chi phí tài chính khác | 880,000 | 7,701,553 |
| Cộng | 6,176,638,101 | 7,230,740,475 |

5. Chi phí bán hàng

| | Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 | Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 |
|---------------------------|---|--|
| Chi phí cho nhân viên | 356,270,234 | - |
| Chi phí dụng cụ đồ dùng | 50,161,205 | 1,020,000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2,872,963 | 1,671,346 |
| Chi phí khác | 861,475 | 1,909,091 |
| Cộng | 410,165,877 | 4,600,437 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 | Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 |
|----------------------------------|---|---|
| Chi phí cho nhân viên | 4,951,915,984 | 3,917,728,530 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 789,656,754 | 641,834,541 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 146,549,512 | 177,187,164 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1,536,441,378 | 1,780,665,949 |
| Chi phí khác | 943,222,828 | 648,878,613 |
| Cộng | 8,367,786,456 | 7,166,294,797 |

7. Thu nhập khác

| | Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 | Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 |
|---|---|---|
| Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 650,820,091 | 1,278,081,324 |
| Các khoản thu nhập khác | 21,913,361 | 5,214 |
| Cộng | 672,733,452 | 1,278,086,538 |

8. Chi phí khác

| | Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 | Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 |
|--|---|---|
| Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý | 18,136,364 | 218,081,324 |
| Chi phí khác | 1,491,732,566 | 1,177,426,293 |
| Cộng | 1,509,868,930 | 1,395,507,617 |

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 | Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 |
|----------------------------------|---|---|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 14,954,016,325 | 15,948,013,535 |
| Chi phí nhân công | 28,792,757,572 | 24,129,118,310 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 13,184,447,719 | 11,734,051,406 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 102,753,133,084 | 93,889,935,626 |
| Chi phí khác | 8,050,618,475 | 9,549,429,090 |
| Cộng | 167,734,973,175 | 155,250,547,967 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các giao dịch phát sinh từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015 giữa công ty và các bên có liên quan như sau:

| | <u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</u> | <u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014</u> |
|---|---|---|
| <i>Công ty TNHH một thành viên vận tải giao nhận ngoại thương</i> | | |
| Bán tài sản cố định | | 218,081,324 |
| Nhận dịch vụ vận chuyển | 3,038,512,422 | 5,198,954,732 |
| Lãi cho vay | 40,000,000 | 256,500,000 |
| Thu tiền cho vay | 2,100,000,000 | 900,000,000 |
| <i>Công ty TNHH một thành viên bất động sản Transimex - Saigon</i> | | |
| Nhận dịch vụ tòa nhà | 193,301,095 | 170,934,786 |
| Lợi nhuận được chia | 7,686,246,632 | 7,600,523,222 |
| <i>Công ty TNHH một thành viên trung tâm phân phối Transimex</i> | | |
| Cho thuê kho | 2,400,000,000 | 4,800,000,000 |
| Góp vốn | - | 4,000,000,000 |
| Cung cấp dịch vụ nâng hạ | 18,409,091 | 18,243,164 |
| <i>Công ty TNHH một thành viên Transimex Hi Tech Park Logistics</i> | | |
| Chi hộ | 322,582,662 | - |
| Góp vốn | 28,000,000,000 | |
| <i>Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An</i> | | |
| Lợi nhuận được chia | | 4,687,500,000 |
| Góp vốn | 7,156,250,000 | 15,500,000,000 |
| Góp vốn hợp tác kinh doanh | | 10,000,000,000 |
| <i>Công ty cổ phần Vinafreight</i> | | |
| Lợi nhuận được chia | 2,587,650,000 | 834,240,000 |
| <i>Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam</i> | | |
| Cung cấp dịch vụ | | 1,290,864,751 |
| Lợi nhuận được chia từ góp vốn tham gia liên doanh | 5,500,000,000 | 11,078,761,463 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tại ngày thời điểm cuối kỳ, công nợ các bên có liên quan như sau:

| | <u>Tại ngày 30/06/2015</u> | <u>Tại ngày 01/01/2015</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Công ty TNHH một thành viên vận tải giao nhận ngoại thương | | |
| Phải thu về bán tài sản cố định | 16,439,722,066 | 16,439,722,066 |
| Phải thu về cung cấp dịch vụ | 9,328,000 | 9,328,000 |
| Phải thu về lãi vay | 74,821,918 | 34,821,918 |
| Tiền cho vay | - | 2,100,000,000 |
| Phải thu chi hộ | - | 1,910,015,400 |
| Công ty TNHH một thành viên bất động sản Transimex - Saigon | | |
| Phải thu lợi nhuận được chia | 790,955,988 | - |
| Công ty TNHH một thành viên trung tâm phân phối Transimex | | |
| Phải thu cung cấp dịch vụ | 7,275,000,000 | 4,635,000,000 |
| Phải thu khác (DV nâng hạ tại ICD) | 12,870,000 | - |
| Công nợ phải thu | <u>24,589,827,972</u> | <u>25,128,887,384</u> |
| Công nợ phải trả | | |
| Công ty TNHH một thành viên vận tải giao nhận ngoại thương | | |
| Phải trả tiền mua dịch vụ | 1,531,196,300 | 950,583,000 |
| Phải trả tiền mua tài sản | - | 775,000,000 |
| Công ty TNHH một thành viên bất động sản Transimex - Saigon | | |
| Lợi nhuận chuyển thừa | - | 3,857,466,632 |
| Phải trả tiền điện | 212,631,204 | - |
| Công nợ phải trả | <u>1,531,196,300</u> | <u>5,583,049,632</u> |

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là logistics và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính**Tổng quan**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty con vay tiền nên rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay này là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|------------------------------------|--|--|---------------------------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 155,658,024,785 | - | - | 155,658,024,785 |
| Phải thu khách hàng | 54,046,796,593 | 0 | - | 54,046,796,593 |
| Các khoản cho vay | 0 | - | - | 0 |
| Các khoản phải thu khác | 11,837,288,397 | - | - | 11,837,288,397 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 14,491,258,371 | - | 155,218 | 14,491,413,589 |
| Cộng | 236,033,368,146 | 0 | 155,218 | 236,033,523,364 |
| Số đầu kỳ | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 152,279,841,622 | - | - | 152,279,841,622 |
| Phải thu khách hàng | 53,897,201,046 | 1,684,952,198 | - | 55,582,153,244 |
| Các khoản cho vay | 2,100,000,000 | - | - | 2,100,000,000 |
| Các khoản phải thu khác | 6,482,504,479 | - | - | 6,482,504,479 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 8,289,477,414 | - | 11,618,098 | 8,301,095,512 |
| Cộng | 223,049,024,561 | 1,684,952,198 | 11,618,098 | 224,745,594,857 |

Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

| | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Cộng |
|-------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | |
| Vay và nợ | 124,572,987,774 | 91,003,851,432 | 215,576,839,206 |
| Phải trả người bán | 10,339,247,898 | - | 10,339,247,898 |
| Các khoản phải trả khác | 15,921,273,769 | 20,809,175 | 15,942,082,944 |
| Cộng | 150,833,509,441 | 91,024,660,607 | 241,858,170,048 |
| Số đầu kỳ | | | |
| Vay và nợ | 80,486,541,230 | 115,657,443,189 | 196,143,984,419 |
| Phải trả người bán | 8,017,253,678 | - | 8,017,253,678 |
| Các khoản phải trả khác | 19,017,918,842 | 10,809,175 | 19,028,728,017 |
| Cộng | 107,521,713,750 | 115,668,252,364 | 223,189,966,114 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty có các giao dịch cung cấp hoặc nhận dịch vụ trong lĩnh vực logistics với các đối tác nước ngoài và dòng tiền giao dịch chủ yếu là ngoại tệ do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư.

Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá các chứng khoán Công ty đang đầu tư đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 155,658,024,785 | 152,279,841,622 | 155,658,024,785 | 152,279,841,622 |
| Phải thu khách hàng | 54,046,796,593 | 55,582,153,244 | 54,046,796,593 | 55,582,153,244 |
| Các khoản cho vay | 0 | 2,100,000,000 | 0 | 2,100,000,000 |
| Các khoản phải thu khác | 11,837,288,397 | 6,482,504,479 | 11,837,288,397 | 6,482,504,479 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 14,491,413,589 | 8,301,095,512 | 14,491,370,571 | 8,300,305,414 |
| Cộng | 236,033,523,364 | 224,745,594,857 | 236,033,480,346 | 224,744,804,759 |

Nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|-------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
| Vay và nợ | 215,576,839,206 | 196,143,984,419 | 215,576,839,206 | 196,143,984,419 |
| Phải trả người bán | 10,339,247,898 | 8,017,253,678 | 10,339,247,898 | 8,017,253,678 |
| Các khoản phải trả khác | 15,942,082,944 | 19,028,728,017 | 15,942,082,944 | 19,028,728,017 |
| Cộng | 241,858,170,048 | 223,189,966,114 | 241,858,170,048 | 223,189,966,114 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, vay và phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch của 3 Công ty chứng khoán công bố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015



Lê Minh Hải
Người lập biểu



Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

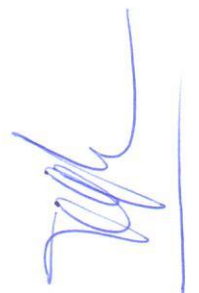
| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 140,121,252,345 | 161,132,939,508 | 25,161,629,264 | 565,607,260 | 326,981,428,377 |
| Tăng trong kỳ | 483,630,000 | 35,207,105,509 | 3,838,000,000 | - | 39,528,735,509 |
| Giảm trong kỳ | (96,895,785) | (2,403,845,524) | (1,101,701,392) | - | (3,602,442,701) |
| Số cuối kỳ | 140,507,986,560 | 193,936,199,493 | 27,897,927,872 | 565,607,260 | 362,907,721,185 |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 19,619,893,247 | 45,904,136,512 | 5,823,424,991 | 565,607,260 | 71,913,062,010 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 50,530,785,902 | 91,312,243,244 | 16,082,515,375 | 565,607,260 | 158,491,151,781 |
| Tăng trong kỳ | 3,105,025,586 | 6,944,296,160 | 1,323,672,726 | - | 11,372,994,472 |
| Giảm trong kỳ | (96,895,785) | (2,403,845,524) | (1,101,701,392) | - | (3,602,442,701) |
| Số cuối kỳ | 53,538,915,703 | 95,852,693,880 | 16,304,486,709 | 565,607,260 | 166,261,703,552 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 89,590,466,443 | 69,820,696,264 | 9,079,113,889 | - | 168,490,276,596 |
| Số cuối kỳ | 86,969,070,857 | 98,083,505,613 | 11,593,441,163 | - | 196,646,017,633 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015





Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Minh Hải
Người lập biểu

Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|---------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước | 230,738,240,000 | 161,021,127,853 | 49,978,322,425 | 32,062,533,625 | 473,800,223,903 |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | - | 16,907,054,074 | 16,907,054,074 |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - |
| Trích lập các quỹ | - | - | 1,139,684,002 | (2,203,389,070) | (1,063,705,068) |
| Số dư cuối kỳ trước | 230,738,240,000 | 161,021,127,853 | 51,118,006,427 | 46,766,198,629 | 489,643,572,909 |
| Số dư đầu năm nay | 230,738,240,000 | 161,021,127,853 | 57,855,769,389 | 99,587,827,005 | 549,202,964,247 |
| Phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên | 6,922,150,000 | - | - | - | 6,922,150,000 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | 47,694,862,209 | 47,694,862,209 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 3,073,826,571 | (9,088,443,003) | (6,014,616,432) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - |
| Nhận từ công ty con | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ này | 237,660,390,000 | 161,021,127,853 | 60,929,595,960 | 138,194,246,211 | 597,805,360,024 |

Đơn vị tính: VND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015



Lê Duy Hiệp
 Tổng Giám đốc

Lê Văn Hùng
 Kế toán trưởng

Lê Minh Hải
 Người lập biểu